

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VŨ THƯ'  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST

Ngày 19-8-2022

V/v: "Ly hôn"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ', TỈNH THÁI BÌNH**

***– Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Xuân Huyền.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Xuân Oanh.

2. Ông Ngô Gia Cảnh.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà:*** Bà Vũ Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 134/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Đàm Thị N, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Thôn M, xã V, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

*2. Bị đơn:* Anh Phạm Đức C, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

*(Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt không có lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 6 năm 2022, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đàm Thị N trình bày :***

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Đức C tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình vào ngày 18 tháng 12 năm 2012. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị kết hôn đã lâu mà không có con chung. Chị và gia đình đã động viên anh C đi chữa trị nhưng anh C không đồng ý. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh C bế tắc, chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn M, xã V, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình sống từ năm 2015. Chị và anh C ly thân từ đó đến nay, không liên lạc, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Đức C.

Về con chung: Chị và anh Phạm Đức C không có con chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị và anh Phạm Đức C không có tài sản chung, không có nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Anh Phạm Đức C đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị N, để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa, nhưng anh C đều vắng mặt không lý do. Vì vậy anh C không thể hiện quan điểm của mình trong vụ án.

**\* *Tại biên bản lấy lời khai ngày 30 tháng 6 năm 2022 của ông Phạm Đức B (là bố đẻ anh Phạm Đức C) trình bày:*** Anh Phạm Đức C và chị Đàm Thị N tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình vào ngày 18 tháng 12 năm 2012. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng với gia đình ông tại thôn P, xã H, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình đến năm 2014 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị kết hôn đã lâu nhưng không có con, gia đình đã đưa anh chị đi khám và điều trị nhưng chị N không hợp tác. Khoảng năm 2015 chị N về nhà bố mẹ đẻ chị sống từ đó cho đến nay. Chị N không về và cũng không liên lạc với ai trong gia đình ông. Nay chị N xin ly hôn anh C, là bố ông không muốn vợ chồng anh chị ly hôn nhưng anh C và chị N ly thân đã lâu, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N ly hôn anh C để anh chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh Phạm Đức C và chị Đàm Thị N không có con chung.

Về tài sản: Anh Phạm Đức C và chị Đàm Thị N không có tài sản chung, không có nợ chung, không vay nợ gì tài sản của ông.

**\* *Tại biên bản xác minh ngày 11 tháng 7 năm 2022, đại diện UBND xã H, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình và cơ sở thôn cung cấp như sau:***

Chị Đàm Thị N và anh Phạm Đức C tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình ngày 18 tháng 12 năm 2012. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng gia đình anh C tại thôn P, xã Hiệp Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Anh chị chung sống đến năm 2015 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị kết hôn đã lâu nhưng chưa có con chung, chị N không sống cùng với anh C từ năm 2015 đến nay. Nay chị N xin ly hôn anh C, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Về con chung: Chị N và anh C không có con chung.

Về tài sản: Chị N và anh C có tài sản chung gì địa phương không nắm được. Anh chị không vay nợ cơ quan, tổ chức tại địa phương.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã tuân thủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không tuân thủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đàm Thị N ly hôn anh Phạm Đức C.

Về con chung: Chị Đàm Thị N và anh Phạm Đức C không có con chung.

Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Đàm Thị N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Đàm Thị N khởi kiện xin ly hôn với anh Phạm Đức C, anh Phạm Đức C cư trú tại thôn P, xã Hiệp Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

[1.2] Chị Đàm Thị N có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh Phạm Đức C vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa Chị Đàm Thị N và anh Phạm Đức C được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị kết hôn đã lâu nhưng không có con chung. Anh chị sống ly thân từ năm 2015 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh C đã căng thẳng, ly thân kéo dài, cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Đàm Thị N được ly hôn anh Phạm Đức C.

[2.2] Về con chung: Chị Đàm Thị N và anh Phạm Đức C không có con chung, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản: Chị Đàm Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Phạm Đức C không có ý kiến trình bày, do đó không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Đàm Thị N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Chị Đàm Thị N và anh Phạm Đức C có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Chị Đàm Thị N và anh Phạm Đức C.
2. Về con chung: Chị Đàm Thị N và anh Phạm Đức C không có con chung, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.
3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đàm Thị N tự nguyện nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền thu tạm ứng án phí tại biên lai số 0001225 ngày 27 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình sang thành tiền án phí.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Học thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.*

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đàm Thị N và anh Phạm Đức C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- UBND xã Hiệp Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (GCNKH số 41 ngày 18 tháng 12 năm 2012);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Xuân Huyền**